

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên
tại Trường Đại học Võ Trường Toản**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Võ Trường Toản;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 20... và thay thế Quyết định số 500/QĐ-ĐHVTT-ĐT&CTSV ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành Khung điểm đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa đào tạo, Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường có liên quan và toàn thể sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử VTTU;
- Lưu: VT, ĐT&CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Đăng Khoa

QUY CHẾ

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Võ Trường Toản
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-DHVT ngày ... tháng ... năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trình độ đại học, bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại đánh giá và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên được đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản (sau đây gọi là Nhà trường).

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại Quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên được đánh giá.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong Nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

a) Ý thức tham gia trong học tập.

b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường.

c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng.

đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện (ĐRL) được đánh giá bằng thang điểm 100. Nội dung và thang điểm đánh giá chi tiết thực hiện theo phụ lục kèm theo Quy chế này.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và thái độ trong học tập.

b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học.

c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, các kỳ đánh giá học phần.

d) Tinh thần phấn đấu vươn lên trong học tập.

đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong Nhà trường.

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế, quy định và thông báo (đóng học phí, các khoản phí; tham gia Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh sinh viên, sinh hoạt lớp, chi đoàn; tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn; thực hiện khảo sát lấy ý kiến về hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường; bị nhắc nhở, phê bình hoặc có quyết định kỷ luật hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo;...) được áp dụng trong Nhà trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội (hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội,...), văn hóa, văn nghệ, thể thao.

b) Hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội (hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội,...), văn hóa, văn nghệ, thể thao.

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong trường học và cộng đồng.

b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng.

c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường.

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong Nhà trường.

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Nhà trường.

d) Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc.

b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt.

c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá.

d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình.

đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu.

e) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 10. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học do nghỉ học tạm thời thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp.

6. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi học tại Trường Đại học Võ Trường Toản và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

Sinh viên, các đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện theo Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Võ Trường Toản.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hội đồng cấp Trường

a) Thành phần Hội đồng cấp Trường

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.
- Thường trực Hội đồng: Trưởng Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.
- Các ủy viên: Đại diện lãnh đạo các khoa, phòng (ban), trung tâm có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Trường

Căn cứ vào các quy định hiện hành, tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

2. Hội đồng cấp khoa

a) Thành phần Hội đồng cấp khoa

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: Trợ lý theo dõi công tác quản lý sinh viên; cán bộ chủ nhiệm/cố vấn học tập; đại diện Liên chi đoàn thanh niên; Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên, ban cán sự lớp.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa

Căn cứ vào các quy định hiện hành, tư vấn giúp Trường khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

Điều 13. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. ĐRL của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của Trường quy định.

3. ĐRL của năm học là trung bình cộng của ĐRL các học kỳ của năm học và được làm tròn đến hàng đơn vị.

4. ĐRL toàn khóa học là trung bình cộng của ĐRL các học kỳ của khóa học và được làm tròn đến hàng đơn vị.

Điều 14. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong phiếu điểm của từng sinh viên, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng hoặc kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của Nhà trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong phiếu điểm của từng sinh viên, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được xem xét biểu dương hoặc khen thưởng tùy theo quy định của Nhà trường.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các đơn vị chức năng trong thời gian quy định nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên chưa chính xác. Khi nhận được khiếu nại, các đơn vị chức năng có trách nhiệm xem xét giải quyết, trả lời theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên là đơn vị chủ trì triển khai thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

2. Các đơn vị và cá nhân có liên quan triển khai, tổ chức và thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên nghiêm túc theo đúng quy định.

3. Quy chế này được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp theo từng giai đoạn phát triển của Trường Đại học Võ Trường Toản và những thay đổi trong quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

PHỤ LỤC
CÁC TIÊU CHÍ VÀ KHUNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
CỦA SINH VIÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng...năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)*

Nội dung đánh giá	Mức điểm
I. Đánh giá về ý thức tham gia học tập (điểm cộng tối đa là 20 điểm)	20
1.1. Ý thức và thái độ trong học tập (điểm cộng tối đa là 10 điểm)	10
1.1.1. Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học (nếu bị cấm thi 1 môn do vắng quá số tiết quy định, vi phạm nhờ cá nhân khác đi học hộ hoặc học hộ cá nhân khác,... thì mục 1.1.1 = 0 điểm)	5
1.1.2. Hoàn thành chuẩn đầu ra về tin học tại trường	5
1.1.3. Hoàn thành chuẩn đầu ra về ngoại ngữ tại trường	5
1.2. Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ (CLB), các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học (điểm cộng tối đa là 10 điểm)	10
1.2.1. Có đề tài nghiên cứu khoa học; tham gia chương trình, cuộc thi nghiên cứu khoa học từ cấp khoa trở lên,...	10
1.2.2. Tham gia các khóa học ngoại khóa do Nhà trường tổ chức như ngoại ngữ, tin học,...; tham gia sinh hoạt thường xuyên tại các CLB, đội, nhóm, chi hội trực thuộc Đoàn trường (CLB Anh văn giao tiếp, CLB học thuật, CLB thiện nguyện, CLB thể thao, CLB võ thuật, đội văn nghệ,...); tham gia chi hội các tỉnh (xét trong học kỳ sinh viên đánh giá ĐRL có tham gia; điểm cộng tối đa là 5 điểm)	5
1.2.3. Tham gia nghiên cứu tài liệu học tập tại thư viện; tham gia tự học, học nhóm, hội thảo tại thư viện,... (xét trong học kỳ sinh viên đánh giá ĐRL có tham gia, tham gia từ 10 lần/học kỳ trở lên cộng 5 điểm, tham gia dưới 10 lần điểm mục 1.2.3 = 0; điểm cộng tối đa là 5 điểm)	5
1.3. Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, các kỳ đánh giá học phần	5
- Không vi phạm quy chế và quy định về thi, kiểm tra (nếu vi phạm thì mục 1.3 = 0 điểm)	5

Nội dung đánh giá	Mức điểm
1.4. Tinh thần phấn đấu vươn lên trong học tập (<i>kết quả của học kỳ đang xét ĐRL so với học kỳ trước</i>)	6
- Trung bình lên khá	2
- Khá lên giỏi hoặc giữ vững thành tích học tập loại giỏi	4
- Giỏi lên xuất sắc hoặc giữ vững thành tích học tập loại xuất sắc	6
1.5. Kết quả học tập (<i>kết quả của học kỳ đang xét ĐRL</i>)	10
- Học kỳ xếp loại học lực: Khá	6
- Học kỳ xếp loại học lực: Giỏi	8
- Học kỳ xếp loại học lực: Xuất sắc	10
II. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường (<i>điểm cộng tối đa là 25 điểm</i>)	25
2.1. Chấp hành các nội quy, quy chế, quy định và thông báo được thực hiện trong Nhà trường (<i>điểm cộng tối đa là 10 điểm</i>)	10
2.1.1. Chấp hành các nội quy, quy chế, quy định và thông báo (<i>đóng học phí, các khoản phí, đóng Đoàn/Đảng phí, đóng quỹ lớp đúng thời gian quy định; tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn theo quy định; ...</i>) được thực hiện trong Nhà trường (<i>nếu vi phạm 1 trong các nội dung thì mục 2.1.1 = 0 điểm</i>)	5
2.1.2. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt theo thông báo của các đơn vị chức năng trong Nhà trường hoặc ban cán sự lớp hoặc ban chấp hành chi đoàn/chi bộ,... (<i>vắng 1 buổi thì mục 2.1.2 = 0 điểm</i>)	5
2.1.3. Tham gia đầy đủ các nội dung trong “Tuần sinh hoạt công dân - Học sinh sinh viên” (<i>vắng 1 nội dung hoặc không tham gia khám sức khỏe hoặc không nộp bài thu hoạch thì mục 2.1 = 0 điểm</i>)	5
2.2. Thực hiện khảo sát lấy ý kiến về hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường	15
- Thực hiện từ 75% đến 84% các khảo sát lấy ý kiến trong thời gian quy định	5
- Thực hiện từ 85% đến 94% các khảo sát lấy ý kiến trong thời gian quy định	10
- Thực hiện từ 95% trở lên các khảo sát lấy ý kiến trong thời gian quy định	15
2.3. Bị nhắc nhở, phê bình hoặc có quyết định kỷ luật hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo (<i>bị trừ điểm tại mục II</i>)	
- Bị nhắc nhở, phê bình (<i>bị trừ điểm tại mục II, xét trong học kỳ sinh viên đánh giá ĐRL có vi phạm</i>)	5
- Bị kỷ luật hình thức khiển trách (<i>bị trừ điểm tại mục II, xét trong học kỳ sinh viên đánh giá ĐRL có vi phạm</i>)	10
- Bị kỷ luật hình thức cảnh cáo (<i>bị trừ điểm tại mục II, xét trong học kỳ sinh viên đánh giá ĐRL có vi phạm</i>)	20

Nội dung đánh giá	Mức điểm
III. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (điểm cộng tối đa là 20 điểm)	20
3.1. Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội có xác nhận của đơn vị tổ chức có thẩm quyền (điểm cộng tối đa là 20 điểm)	20
3.1.1. Tham gia các hoạt động xã hội (hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội,...), văn hóa, văn nghệ, thể thao các cấp từ lớp, chi hội, chi đoàn, khoa, phòng, ban, trung tâm trở lên tổ chức (mỗi lần tham gia cộng 2 điểm, điểm cộng tối đa là 10 điểm)	10
3.1.2. Tham gia các hoạt động phục vụ lợi ích chung của Nhà trường, các hoạt động theo yêu cầu huy động lực lượng của khoa, phòng, ban, trung tâm như lao động; vệ sinh trường, lớp; cộng tác viên; thành viên đội, nhóm được phân công kiểm tra giữ gìn vệ sinh, an ninh, trật tự trong khuôn viên trường;... (mỗi lần tham gia cộng 2 điểm, điểm cộng tối đa là 20 điểm)	20
3.1.3. Tố giác các hành vi vi phạm, gian lận, nhận hối lộ, đưa hối lộ và các tệ nạn xã hội khác trong Nhà trường; tố giác các hành vi vi phạm quy chế, quy định trong Nhà trường (gửi thông tin về hộp thư điện tử: togiac@vtu.edu.vn hoặc phản ánh về hộp thư điện tử của các đơn vị chức năng trong Nhà trường)	10
3.2. Được biểu dương, khen thưởng do có thành tích trong việc tham gia các hoạt động đoàn thể, chính trị, xã hội (hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội,...), văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (điểm cộng tối đa là 10 điểm)	10
3.2.1. Đạt bằng khen, giấy khen trong các hoạt động đoàn thể, chính trị, xã hội, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội,... (xét trong học kỳ sinh viên đạt thành tích)	5
3.2.2. Đạt giải trong các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao (xét trong học kỳ sinh viên đạt thành tích)	5
IV. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (điểm cộng tối đa là 25 điểm)	25
4.1. Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng và Nhà trường, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong Trường và cộng đồng (điểm cộng tối đa là 10 điểm)	10
4.1.1. Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong Nhà trường và cộng đồng như: An toàn giao thông; pháp luật; phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; phòng chống dịch bệnh; bảo vệ môi trường;... (chấp hành và tham gia đầy đủ khi đơn vị có thẩm quyền tổ chức và xác nhận)	5
4.1.2. Ý thức tham gia và tuyên truyền các chủ trương, nội quy, quy định và quy chế của Nhà trường như: Phòng chống các tệ nạn xã hội trong trường học; các hoạt động xây dựng, giới thiệu hoặc quảng bá hình ảnh về Trường Đại học Võ Trường Toản; giữ gìn vệ sinh, an ninh, trật tự trong khuôn viên trường; nâng cao ý thức chấp hành các nội quy, quy định và quy chế trong Nhà trường;... (mỗi lần tham gia cộng 2 điểm khi có xác nhận của đơn vị tổ chức, mục này tối đa là 10 điểm)	10

Nội dung đánh giá	Mức điểm
4.2. Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận biểu dương, khen thưởng (điểm cộng tối đa là 10 điểm)	10
4.2.1. Được biểu dương hoặc khen thưởng khi tích cực tham gia các hoạt động xã hội: mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ gia đình khó khăn hoặc vùng bị thiên tai, dịch bệnh,... (mỗi lần được biểu dương, khen thưởng cộng 5 điểm, điểm cộng tối đa là 10 điểm)	10
4.2.2. Được biểu dương hoặc khen thưởng khi tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ cảnh quan môi trường; giữ gìn vệ sinh, an ninh, trật tự trong khuôn viên trường;... (mỗi lần được biểu dương, khen thưởng cộng 5 điểm, điểm cộng tối đa là 10 điểm)	10
4.3. Tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn (điểm cộng tối đa là 20 điểm)	20
4.3.1. Tham gia đóng góp, xây dựng quỹ học bổng khuyến học dành cho sinh viên vượt khó học tốt (mỗi lần tham gia cộng 2 điểm, điểm cộng tối đa là 20 điểm)	20
4.3.2. Tham gia đóng góp, xây dựng quỹ từ thiện vì cộng đồng hoặc có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn hoặc vùng bị thiên tai, dịch bệnh, tham gia hoạt động hiến máu nhân đạo,... (mỗi lần tham gia cộng 2 điểm, mục này tối đa là 20 điểm)	20
V. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (điểm cộng tối đa là 10 điểm)	10
5.1. Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Chi đoàn, Chi hội, Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	7
5.2. Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Chi đoàn, Chi hội, Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ	5
5.3. Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Chi đoàn, Chi hội, Chi bộ hoàn thành nhiệm vụ	3
5.4. Trưởng nhóm học tập, trưởng phòng ở nội trú hoàn thành tốt nhiệm vụ	5
5.5. Được kết nạp Đảng trong học kỳ đang xét	7
5.6. Được kết nạp Đoàn trong học kỳ đang xét	3
5.7. Được bình xét Đoàn viên ưu tú, Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	3
Điểm rèn luyện cộng tối đa của các mục I, II, III, IV, V	100